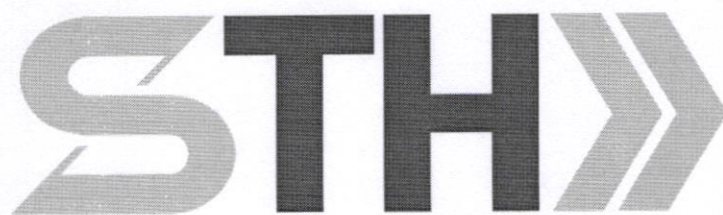


CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN
Số 65 đường Hoàng Văn Thụ - TP. Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

THÁI NGUYÊN - 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 1 Năm 2023

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 1 hợp nhất	Số đầu năm hợp nhất
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		219.311.794.434	217.156.648.674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.115.733.383	11.943.647.865
1. Tiền	111		12.115.733.383	11.943.647.865
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.794.000.000	6.794.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	6.794.000.000	6.794.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.802.650.415	187.075.759.818
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.492.687.580	6.563.578.596
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	374.087.518	97.813.858
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	34.850.000.000	33.750.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	145.111.130.817	146.689.622.864
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(25.255.500)	(25.255.500)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		10.983.223.805	9.399.511.090
1. Hàng tồn kho	141	V.8	10.983.223.805	9.399.511.090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.616.186.831	1.943.729.901
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.201.378.143	1.290.096.698
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.129.899.933	413.633.203
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	284.908.755	240.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.506.450.022	77.518.163.436
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		42.278.578.817	39.598.706.603

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 1 hợp nhất	Số đầu năm hợp nhất
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	41.987.403.819	39.299.869.104
- Nguyên giá	222		61.332.334.208	58.068.354.578
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.344.930.389)	(18.768.485.474)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	291.174.998	298.837.499
- Nguyên giá	228		474.500.000	474.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(183.325.002)	(175.662.501)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.656.769.387	14.690.390.103
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	3.883.828.567	3.819.758.923
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	16.772.940.820	10.870.631.180
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.14	22.616.700.000	20.020.700.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.616.700.000	20.020.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.954.401.818	3.208.366.730
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.954.401.818	3.208.366.730
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		307.818.244.456	294.674.812.110
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		81.469.664.381	68.377.476.272
I. Nợ ngắn hạn	310		42.667.148.863	30.016.691.193
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	35.176.838.564	24.279.549.121
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	270.365.082	80.469.801
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17		
4. Phải trả người lao động	314		504.484.688	411.175.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18		
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	694.245.515	389.090.906
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	568.470.687	234.810.719
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	5.376.391.827	4.545.243.136
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	76.352.500	76.352.500

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 1 hợp nhất	Số đầu năm hợp nhất
1	2	3	4	5
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		38.802.515.518	38.360.785.079
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	507.230.439	65.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	38.295.285.079	38.295.285.079
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		226.348.580.075	226.297.335.838
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	226.348.580.075	226.297.335.838
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		195.000.000.000	195.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		195.000.000.000	195.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.736.000	29.736.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		205.199.847	205.199.847
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		464.211.628	464.211.628
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.989.738.658)	(4.040.982.895)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.040.982.895)	4.574.801.794
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		51.244.237	(8.615.784.689)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không đồng kiểm soát	429		34.639.171.258	34.639.171.258
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		307.818.244.456	294.674.812.110

Công Ty Cổ Phần Phát hành sách Thái Nguyên
Số 65 đường Hoàng Văn Thụ - TP. Thái Nguyên

Lập, Ngày 28 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phùng Thị Hà

P. Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lã Thị Mai Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý I năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1	2	3	4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.563.747.195	6.126.794.521	5.563.747.195	6.126.794.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		12.046.023		12.046.023
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5.563.747.195	6.114.748.498	5.563.747.195	6.114.748.498
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.378.404.526	3.958.457.269	2.378.404.526	3.958.457.269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.185.342.669	2.156.291.229	3.185.342.669	2.156.291.229
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	555.148.314	63.297.451	555.148.314	63.297.451
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	149.520.275	158.975.674	149.520.275	158.975.674
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		149.520.275	158.975.674	149.520.275	158.975.674
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	1.470.418.143	581.005.117	1.470.418.143	581.005.117
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1.569.533.363	1.453.818.610	1.569.533.363	1.453.818.610
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		551.019.202	25.789.279	551.019.202	25.789.279
11. Thu nhập khác	31	VI.8	61.868.054	24.070.431	61.868.054	24.070.431
12. Chi phí khác	32	VI.9	552.364.132	1.335.024	552.364.132	1.335.024
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(490.496.078)	22.735.407	(490.496.078)	22.735.407
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		60.523.124	48.524.686	60.523.124	48.524.686
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	9.278.887	9.704.937	9.278.887	9.704.937
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		51.244.237	38.819.749	51.244.237	38.819.749
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phùng Thị Hà

Lập Ngày 28 tháng 04 năm 2023



Lê Thị Mai Liên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến hết quý 1/2023	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.523.124	(6.744.839.584)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		374.313.128	2.129.239.909
- Các khoản dự phòng	03			-18.481.778
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(555.148.314)	(4.160.175.863)
- Chi phí lãi vay	06		149.520.275	419.668.422
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.208.213	(8.374.588.894)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.207.002.014	42.390.101.715
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.583.712.715)	233.708.715
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		5.417.392.526	48.311.922.890
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		342.683.467	594.922.686
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(149.520.275)	(419.668.422)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(455.068.859)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.263.053.230	82.281.329.831
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(8.314.758.794)	(6.110.602.136)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		541.267.013	50.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.800.000.000)	(12.844.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		700.000.000	(7.300.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.596.000.000)	(51.425.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		547.375.378	623.928.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.922.116.403)	(77.005.674.117)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			

3. Tiền thu từ đi vay	33	2.678.455.106	14.067.617.200
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.847.306.415)	(14.398.242.504)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	831.148.691	(330.625.304)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	172.085.518	4.945.030.410
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.943.647.865	6.998.617.455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	12.115.733.383	11.943.647.865

Người lập biểu

(Ký, họ tên)


Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Phùng Thị Hà

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2023



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lã Thị Mai Liên

16/7/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** :
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;
 - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
 - Cho thuê mặt bằng./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:**
Số liệu BCTC quý 1 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính quý 1 năm 2022.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 52 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 43 nhân viên).
- Danh sách các công ty con được hợp nhất**

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Cao Dương Phát	Đường Phú Liên, Tổ 18, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn)	55%	55%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty, Việc kiểm soát đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Giá trị ghi sổ: Các khoản đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Căn cứ lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy: Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo: Căn cứ trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của bên được đầu tư. Trường hợp bên được đầu tư là Công ty mẹ, căn cứ trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
 - Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
Tiền mặt	11.830.397.513	4.494.331.779
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	285.335.870	7.449.316.086
Cộng	12.115.733.383	11.943.647.865

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Quân Đội	6.794.000.000	6.794.000.000	6.794.000.000	6.794.000.000
Cộng	6.794.000.000	6.794.000.000	6.794.000.000	6.794.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	4.231.515.736	4.289.749.996
Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng	4.213.883.326	4.273.605.586
Công ty Cổ Phần Thương Mại Cao Bắc	17.632.410	16.144.410
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	265.194.300	2.273.828.600
Công ty TNHH in và Thiết kế thương hiệu Tuấn Hoàng	3.193.300	110.400.620
Công ty TNHH Best Express Việt Nam	262.001.000	-
Các khách hàng khác	1.995.977.544	2.163.427.980
Cộng	6.492.687.580	6.563.578.596

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	176.467.440	
Công ty CP giải pháp công nghệ thông tin Quốc tế	107.325.000	-
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Bình Tây	52.701.541	-
Cty TNHH Thương mại và dịch vụ văn hóa Đình Tị	16.440.899	37.765.149
Các nhà cung cấp khác	197.620.078	60.048.709
Cộng	374.087.518	97.813.858

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
Cho bà Nguyễn Xuân Quỳnh vay với lãi suất 7,5%/năm	600.000.000	600.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Hương vay với lãi suất 7,5%/năm		700.000.000
Cho bà Phạm Thị Hồng Hạnh vay với lãi suất 7,5%/năm	750.000.000	750.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Xuyên vay với lãi suất 7,5%/năm	550.000.000	550.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Hồng Mỹ vay với lãi suất 7,5%/năm	650.000.000	650.000.000
Ông Đỗ Quang Hải	10.000.000.000	10.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Linh	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Đàm Ngọc Cương	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Trương Quang Thắng	5.500.000.000	5.500.000.000
Cho bà Lương Thị Văn vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	
Cho bà Dương Thị Liên vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	
Cho bà Ng. Thị Phương Thảo vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	
Cộng	34.850.000.000	33.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	139.461.350.000	-	140.906.350.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (*)	135.400.000.000	-	135.400.000.000	-
Bà Lê Thị Mai Liên - Tạm ứng		-	300.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Quy - Tạm ứng (**)	4.061.350.000	-	5.206.350.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.633.932.493	-	5.783.272.864	-
Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	4.735.974.493	-	3.633.450.801	-
Tạm ứng	897.958.000	-	2.107.958.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.848.324	-	41.864.063	-
Cộng	145.111.130.817	-	146.689.622.864	-

(*) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 ngày 03/02/2020, Phụ lục số 02 ngày 15/04/2020. Theo đó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh để xây dựng, vận hành và khai thác dự án công trình: “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”. Thời gian hợp tác kinh doanh: 5 năm.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/STH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên và Biên bản thỏa thuận số 2606/BBTT.2022/TH-STH ngày 26 tháng 6 năm 2022 với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng đã thông qua phương án dự kiến thu hồi vốn đầu tư tại dự án trên. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thu hồi số tiền đầu tư là 45.000.000.000 VND

(**) Tạm ứng để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng dự án Thái Hưng Complex Tower tại số 65 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

7. Nợ xấu

	Số cuối quý 1			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP May Xuất khẩu SiL - Han	Không có khả năng thu hồi	25.255.500	25.255.500	Không có khả năng thu hồi	25.255.500	25.255.500
Cộng		25.255.500	25.255.500		25.255.500	25.255.500

8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	566.489.534		391.125.898	
Hàng hóa	10.416.734.271		9.008.385.192	-
Cộng	10.983.223.805		9.399.511.090	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước****a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý 1</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	2.510.000	4.680.000
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	167.219.202	257.318.204
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.031.648.941	1.028.098.494
Cộng	<u>1.201.378.143</u>	<u>1.290.096.698</u>

b, Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	2.513.436.440	2.614.436.443
Dịch vụ vận chuyển trả trước	-	-
Chi phí sửa chữa	440.965.378	593.930.287
Lợi thế thương mại chờ phân bổ	10.456.424.703	10.456.424.703
Cộng	<u>13.410.826.521</u>	<u>13.664.791.433</u>

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	55.408.909.198	259.037.400	2.400.407.980	58.068.354.578
Tăng trong quý 1	4.079.979.630			4.079.979.630
Giảm trong năm do thanh lý	-	-	(816.000.000)	(816.000.000)
Số cuối quý 1	<u>59.488.888.828</u>	<u>259.037.400</u>	<u>1.584.407.980</u>	<u>61.332.234.208</u>
<i>Trong đó:</i>				-
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	662.451.960	179.970.582	979.802.333	1.822.224.875
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	17.546.921.819	188.135.393	1.033.428.262	18.768.485.474
Tăng do hợp nhất	348.163.639	-	-	348.163.639
Khấu hao trong năm	277.793.847	6.588.903	82.267.877	366.650.627
Giảm do thanh lý	-	-	(138.369.351)	(138.369.351)
Số cuối quý 1	<u>18.172.879.305</u>	<u>194.724.296</u>	<u>977.326.788</u>	<u>19.344.930.389</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	37.861.987.379	70.902.007	1.366.979.718	39.299.869.104
Số cuối năm	<u>41.316.009.523</u>	<u>64.313.104</u>	<u>607.081.192</u>	<u>41.987.303.819</u>

Tài sản cố định là “nhà làm việc và bán hàng” của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 8.380.906.239 VND và 4.185.729.287 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	474.500.000	(175.662.501)	298.837.499
Tăng trong quý 1			
Khấu hao trong quý 1	-	(7.662.501)	(7.662.501)
Số cuối năm	474.500.000	183.325.002	291.174.998

Trong đó, nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 168.000.000 VND.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.883.828.567	-	3.819.758.923	-
Cộng	3.883.828.567	-	3.819.758.923	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Tăng do hợp nhất BCTC	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	4.248.037.830		(4.079.979.630)	-	168.058.200
Xây dựng cơ bản dở dang HS Phú Lương	3.733.463.889		(3.733.463.889)		
XDCB Tòa nhà Thái Hưng COMPLEX TOWER	168.058.200		-		168.058.200
Xây dựng, sửa chữa hiệu sách Võ Nhai	346.515.741		(346.515.741)		
Sửa chữa lớn tài sản cố định	6.622.593.350			9.982.289.270	16.604.882.620
Cộng	10.870.631.180		(4.079.979.630)	9.982.289.270	16.772.940.820

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	22.616.700.000		20.020.700.000	
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (*)	20.020.700.000		20.020.700.000	
Cty CP TM và khai thác khoáng sản Dương Hiếu (**)	2.596.000.000			
Cộng	22.616.700.000		20.020.700.000	

(*) Trong năm, công ty đã nhận chuyển nhượng thành công 2.002.070 cổ phần của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam từ bên liên quan là Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng với giá chuyển nhượng là 20.020.700.000 VND.

(**) Trong quý 1 công ty đã mua thành công 230.000 cổ phiếu của Cty CP TM và khai thác khoáng sản Dương Hiếu với tổng giá trị 2.596.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên liên quan	20.020.700.000	20.020.700.000	20.020.700.000	20.020.700.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	20.020.700.000	20.020.700.000	20.020.700.000	20.020.700.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	9.145.829.145	9.145.829.145	4.258.849.121	4.258.849.121
Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Hưng Phát Bắc Ninh			6	6
Công ty cổ phần đầu tư Eco Valley Việt Nam	8.453.128.145	8.453.128.145	2.442.386.178	2.442.386.178
Công ty TNHH Xây dựng Hà Phong	692.701.000	692.701.000	382.701.000	382.701.000
Các nhà cung cấp khác	6.010.309.419	6.010.309.419	1.433.761.937	1.433.761.937
Cộng	35.176.838.564	35.176.838.564	24.279.549.121	24.279.549.121

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
Công ty TNHH dịch vụ Hà Nội CAPITAL		38.388.000
CÔNG TY TNHH BEST EXPRESS (VIỆT NAM)		28.502.465
CN Thái Nguyên - Công ty CP dịch vụ tổng hợp WINCOMMERCE		13.148.336
Công ty bảo hiểm BSH Thái Nguyên		431.000
Các khách nợ khác	270.365.082	
Cộng	270.365.082	80.469.801

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối năm
	Số phải nộp	Số thuế nộp thừa	Số phải nộp	Số đã nộp	Số thuế nộp thừa
Thuế TNDN	240.000.000			44.908.755	284.908.755
Các loại thuế khác		-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	240.000.000		4.000.000	40.908.755	284.908.755

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối quý 1</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	181.818.180	290.909.091
Công ty TNHH Thời trang quốc tế SAVANI	181.818.180	290.909.091
Các khách hàng khác	512.427.335	98.181.815
Cộng	<u>694.245.515</u>	<u>389.090.906</u>

20. Các khoản phải trả khác**a, Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý 1</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	199.680.000	199.680.000
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả	199.680.000	199.680.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	368.790.687	35.130.719
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	368.790.687	35.130.719
Cộng	<u>568.470.687</u>	<u>234.810.719</u>

b, Dài hạn

Là khoản ký cược, ký quỹ của các hợp đồng cho thuê mặt bằng.

21. Vay và nợ thuê tài chính**a, Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý 1</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Thái Nguyên (1)	5.376.391.827	5.376.391.827	4.545.243.136	4.545.243.136
Cộng	<u>5.376.391.827</u>	<u>5.376.391.827</u>	<u>4.545.243.136</u>	<u>4.545.243.136</u>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số VN120003476-002 ngày 25 tháng 06 năm 2021 được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐCV-VN120003476-002 ngày 26 tháng 06 năm 2022, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25 tháng 06 năm 2023. Hạn mức khoản vay là 9.750.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng đối với mỗi kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 2,75%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455, cấp ngày 15 tháng 08 năm 2008 và số BG553733 cấp ngày 13 tháng 09 năm 2011 bởi UBND tỉnh Thái Nguyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong quý 1	Số tiền vay đã trả trong quý	Số cuối quý 1
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.545.243.136	2.678.455.106	(1.847.306.415)	5.376.391.827
Cộng	4.545.243.136	2.678.455.106	(1.847.306.415)	5.376.391.827

b, Dài hạn

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>38.295.285.079</i>	<i>38.295.285.079</i>	<i>38.295.285.079</i>	<i>38.295.285.079</i>
Cty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng	38.295.285.079	38.295.285.079	38.295.285.079	38.295.285.079
Cộng	38.295.285.079	38.295.285.079	38.295.285.079	38.295.285.079

Là các khoản vay với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng tổng giá trị cho vay là 38.295.285.079 VND. Mục đích dùng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của công ty

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong quý 1	Số tiền vay đã trả trong quý 1	Số cuối quý 1
Cty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng	38.295.285.079		-	38.295.285.079
Cộng	38.295.285.079		-	38.295.285.079

22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	38.176.250	38.176.250
Quỹ phúc lợi	38.176.250	38.176.250
Cộng	76.352.500	76.352.500

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYỄN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	4.574.801.794	43.254.955.947	234.913.120.527
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(8.615.784.689)	(8.615.784.689)	(8.615.784.689)
Số dư cuối năm trước	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	(4.040.982.895)	34.639.171.258	226.297.335.838
Số dư đầu năm nay	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	(4.040.982.895)	34.639.171.258	226.297.335.838
Tăng do hợp nhất quý 1	-	-	-	-	6.357.910	-	6.357.910
Lợi nhuận trong quý 1	-	-	-	-	44.886.327	-	44.886.327
Số dư cuối quý 1	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	(3.989.738.658)	34.639.171.258	226.348.580.075

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	36.000.000.000	18,46%	36.000.000.000	18,46%
Bà Nguyễn Thị Vinh	21.550.200.000	11,05%	21.550.200.000	11,05%
Bà Nguyễn Thị Quy	26.216.200.000	13,44%	26.216.200.000	13,44%
Bà Bạch Phương Vinh	21.546.000.000	11,05%	21.546.000.000	11,05%
Các cổ đông khác	89.687.600.000	46,00%	89.687.600.000	46,00%
Cộng	195.000.000.000	100,00%	195.000.000.000	100,00%

0034
ÔNG
Ổ PH
HÀNH
VI NGU
ÊN - T

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**b) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.500.000	19.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	19.500.000	19.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.500.000	19.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.500.000	19.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.500.000	19.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023**1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1/2023</u>	<u>Quý 1/2022</u>
Doanh thu bán hàng hóa	3.331.186.686	3.752.711.195
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.232.560.509	2.374.083.326
Cộng	<u>5.563.747.195</u>	<u>6.126.794.521</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý 1/2023</u>	<u>Quý 1/2022</u>
Chiết khấu thương mại		12.046.023
Cộng	<u></u>	<u>12.046.023</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1/2023</u>	<u>Quý 1/2022</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.344.876.707	3.006.403.094
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.465.962	952.054.175
Cộng	<u>2.378.342.669</u>	<u>3.958.457.269</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1/2023</u>	<u>Quý 1/2022</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	555.148.314	63.297.451
Cộng	<u>555.148.314</u>	<u>63.297.451</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1/2023</u>	<u>Quý 1/2022</u>
Chi phí lãi vay	149.520.275	158.975.674
Cộng	<u>149.520.275</u>	<u>158.975.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý 1/2023</u>	<u>Quý 1/2022</u>
Chi phí cho nhân viên	1.031.083.400	445.279.740
Chi phí vật liệu, bao bì		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.144.280	39.666.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.182.550	37.458.996
Các chi phí khác	322.007.913	58.600.303
Cộng	<u>1.470.418.143</u>	<u>581.005.117</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1/2023</u>	<u>Quý 1/2022</u>
Chi phí cho nhân viên	518.304.260	231.610.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	642.332.487	214.210.842
Thuế, phí và lệ phí	64.156.656	95.525.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.343.548	2.233.798
Các chi phí khác	8.396.412	910.237.553
Cộng	<u>1.569.533.363</u>	<u>1.453.818.610</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Quý 1/2023</u>	<u>Quý 1/2022</u>
Các khoản thu nhập khác	61.868.054	24.070.431
Cộng	<u>61.868.054</u>	<u>24.070.431</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý 1/2023</u>	<u>Quý 1/2022</u>
Chi phí khác	552.364.132	1.335.024
Cộng	<u>552.364.132</u>	<u>1.335.024</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý 1/2023</u>	<u>Quý 1/2022</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.523.124	48.524.686
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	<u>9.278.887</u>	<u>9.704.937</u>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>9.278.887</u>	<u>9.704.937</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	<u>51.244.237</u>	<u>38.819.749</u>



